

|                    |            |         |         |
|--------------------|------------|---------|---------|
| Ngày<br>31/12/2025 | 13,600 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | -3.5%      | -8.1%   | -11.7%  |

|      |     |         |         |
|------|-----|---------|---------|
| 2025 | ROE | #VALUE! | #VALUE! |
|------|-----|---------|---------|

|       |          |        |                         |                         |
|-------|----------|--------|-------------------------|-------------------------|
| Q4/25 | DT thuần | -1,792 | QoQ<br>▼ 32.0<br>▼ 1.8% | YoY<br>▼ 526<br>▼ 41.6% |
|       |          | tỷ VNĐ |                         |                         |

|      |          |        |                           |
|------|----------|--------|---------------------------|
| 2025 | DT thuần | -6,406 | YoY<br>▼ 1,695<br>▼ 36.0% |
|      |          | tỷ VNĐ |                           |

|       |        |        |                          |                          |
|-------|--------|--------|--------------------------|--------------------------|
| Q4/25 | LN gộp | 86.6   | QoQ<br>▼ 20.4<br>▼ 19.0% | YoY<br>▲ 39.7<br>▲ 84.7% |
|       |        | tỷ VNĐ |                          |                          |

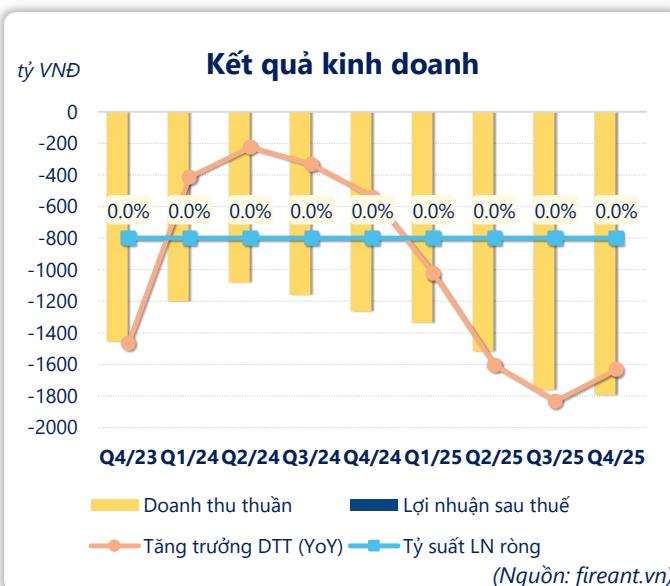
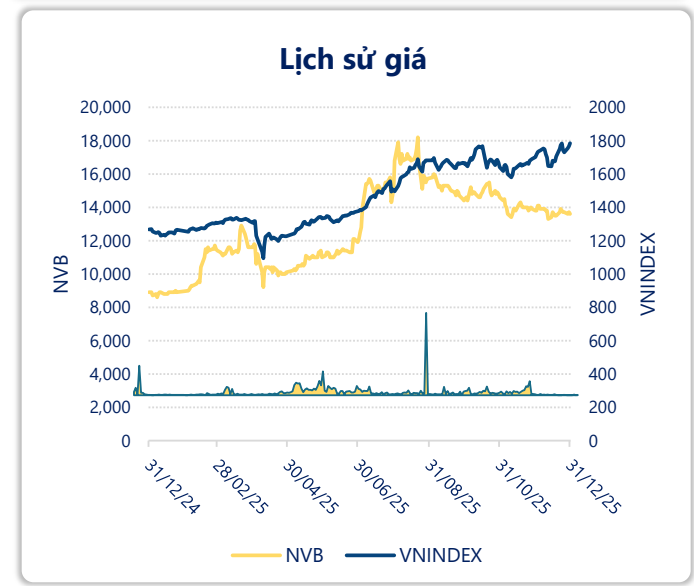
|      |        |        |                        |
|------|--------|--------|------------------------|
| 2025 | LN gộp | 363    | YoY<br>▲ 198<br>▲ 120% |
|      |        | tỷ VNĐ |                        |

|       |          |        |                         |                          |
|-------|----------|--------|-------------------------|--------------------------|
| Q4/25 | LN thuần | -8.99  | QoQ<br>▲ 123<br>▲ 93.2% | YoY<br>▲ 27.9<br>▲ 75.6% |
|       |          | tỷ VNĐ |                         |                          |

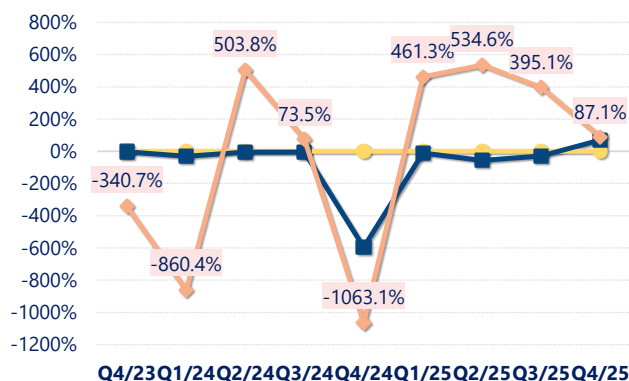
|      |          |        |                        |
|------|----------|--------|------------------------|
| 2025 | LN thuần | -222   | YoY<br>▼ 132<br>▼ 146% |
|      |          | tỷ VNĐ |                        |

|       |             |        |  |  |
|-------|-------------|--------|--|--|
| Q4/25 | LN sau thuế | 0      |  |  |
|       |             | tỷ VNĐ |  |  |

|      |             |        |  |  |
|------|-------------|--------|--|--|
| 2025 | LN sau thuế | 0      |  |  |
|      |             | tỷ VNĐ |  |  |



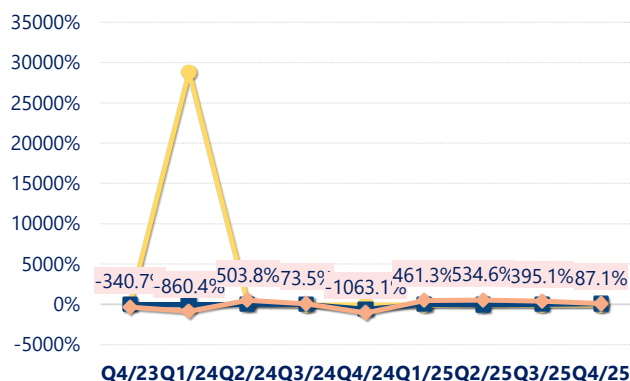
### Tăng trưởng lợi nhuận



— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)  
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

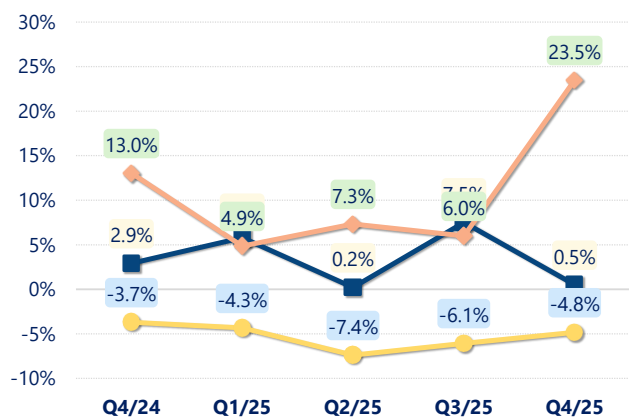
### Tăng trưởng chi phí



— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)  
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

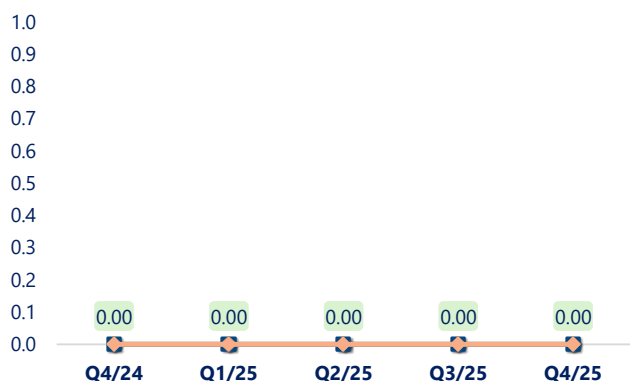
### Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

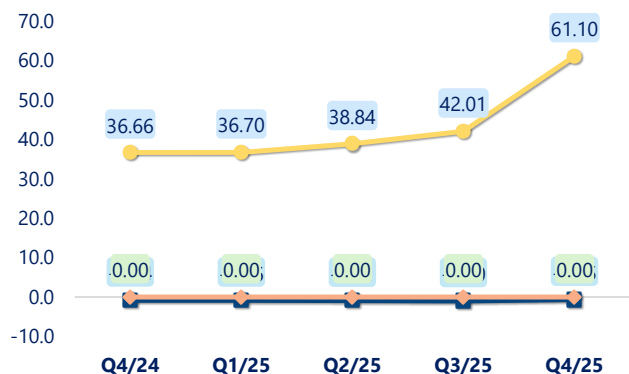
### Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh  
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

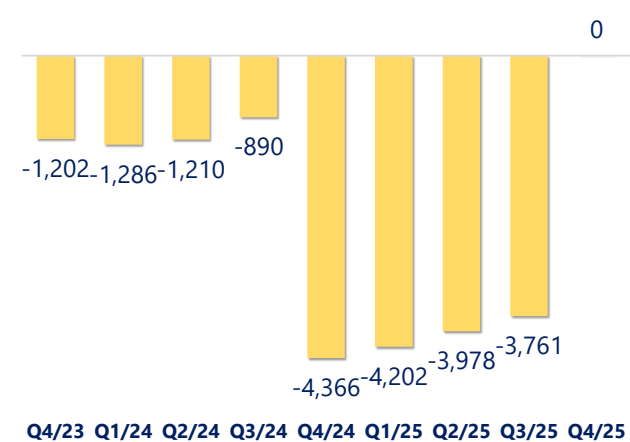
### Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS  
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q4/25         | Q4/24         | Thay đổi<br>YoY | 2025          | 2024          | Thay<br>đổi YoY |
|--------------------------------|---------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|-----------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | <b>-1,792</b> | <b>-1,266</b> | <b>-41.6%</b>   | <b>-6,406</b> | <b>-4,711</b> | <b>-36.0%</b>   |
| Giá vốn hàng bán               | 28.2          | 12.1          | 133%            | 189           | 75.0          | 152%            |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>86.6</b>   | <b>46.9</b>   | <b>84.7%</b>    | <b>363</b>    | <b>165</b>    | <b>120%</b>     |
| Doanh thu HĐTC                 | -58.4         | -34.8         | -67.8%          | -175          | -90.5         | -93.0%          |
| Chi phí TC                     | 22.9          | 34.2          | -33.0%          | 102           | 126           | -18.7%          |
| <b>Chi phí lãi vay</b>         | <b>0</b>      | <b>0.00</b>   |                 | <b>0</b>      | <b>0</b>      |                 |
| LN trong công ty LKLD          | <b>0.10</b>   | <b>4.88</b>   | <b>-98.0%</b>   | <b>36.7</b>   | <b>131</b>    | <b>-72.0%</b>   |
| Chi phí bán hàng               | 10.3          | -25.1         | 141%            | 48.7          | -22.2         | 319%            |
| Chi phí QLDN                   | <b>19.3</b>   | <b>11.7</b>   | <b>65.0%</b>    | <b>270</b>    | <b>67.7</b>   | <b>299%</b>     |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>        | <b>-8.99</b>  | <b>-36.9</b>  | <b>75.6%</b>    | <b>-222</b>   | <b>-89.9</b>  | <b>-146%</b>    |
| Lợi nhuận khác                 | <b>-232</b>   | <b>-4,905</b> | <b>95.3%</b>    | <b>704</b>    | <b>-4,865</b> | <b>114%</b>     |
| <b>LN trước thuế</b>           | <b>-421</b>   | <b>-165</b>   | <b>-155%</b>    | <b>-702</b>   | <b>-264</b>   | <b>-167%</b>    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>0</b>      | <b>0.00</b>   |                 | <b>0</b>      | <b>0</b>      |                 |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b>      | <b>0</b>      | <b>0.00</b>   |                 | <b>0</b>      | <b>0</b>      |                 |

(Nguồn: fireant.vn)

